

Bản án số: **210** /2018/HS-PT

Ngày: 09-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ngô Tấn Lợi**

Các thẩm phán: Ông **Tô Phú Đông**

Ông **Bùi Văn Phương**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà **Lưu Thúy Ái** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 176/2018/TLPT-HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo **Lê Văn L (V)**.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 18/2018/HS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V.

- *Bị cáo có kháng cáo:* **Lê Văn L (V)**, sinh năm 1969, tại Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp M, xã H, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Làm vườn; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Con ông Lê Ngọc E (đã chết) và bà Phan Thị U; Có vợ và 02 người con; Tiền sự: Không; Tiền án gồm:

+ Ngày 15/12/1994 bị Tòa án nhân dân huyện M1, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 21/01/1999 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cần Thơ xử phạt 24 tháng tù về tội Cướp giật tài sản.

+ Ngày 16/8/2002 bị Tòa án nhân dân huyện M2, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 30 tháng tù về tội Trốn khỏi nơi giam.

+ Ngày 23/10/2002 bị Tòa án nhân dân huyện M2, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 11/8/2006 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 19/5/2010 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 5/11/2013, nhưng chưa chấp hành xong phần dân sự.

+ Ngày 20/02/2017 bị Tòa án nhân dân Cấp Cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 7 của Bộ công an, đóng tại địa bàn tỉnh Kiên Giang và đang được trích xuất về trại tạm giam của Công an tỉnh Đồng Tháp phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử.

- *Bị hại không kháng cáo:* Ông **Trịnh Nguu N**, sinh năm 1962 - Chủ doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Tám T (có mặt);

Địa chỉ: Số 18x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo:*

1. **Trần Thị Kim X**, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 18x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

2. **Trịnh Minh T1**, sinh năm 1996 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 35x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Lạc Nhìn N1**, sinh năm 1939 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Số 35x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

* *Người giám định:* **Trần Văn N2**, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp.

* *Người làm chứng:* **Nguyễn Trọng T2**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, trong vụ án Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Trịnh Nguru N là chủ doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Tám T (bảng hiệu Tiệm vàng Ngọc T, chuyên kinh doanh mua bán vàng) tại địa chỉ: số 35x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 27/8/2014 bà N1 (mẹ của ông N) thức dậy đi xuống tầng trệt thì phát hiện tủ trưng bày mua bán vàng bị cạy phá mất vàng và tiền mặt. Ngay sau đó bà kêu Trịnh Minh T1 (con của ông N) thức dậy và nói với T1 là nhà bị mất trộm. T1 điện thoại thông báo cho ông N biết (thường thì ông N và vợ là Trần Thị Kim X chiều tối về nhà riêng ngủ, còn tại tiệm vàng thì bà N1, T1 và Trịnh Lạc Phương N3 (8 tuổi, con của ông N) ngủ tại Tiệm vàng trên gác lửng). Ông N kiểm tra phát hiện tài sản bị mất gồm: 12 lượng vàng 18 kara, loại vàng 75%; 1,5 lượng vàng 24 kara loại 99,99% và 55.000.000 đồng nên đã trình báo Công an huyện V.

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện V phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 07 dấu vết đường vân trên 14 giá đựng vàng và tủ kính trưng bày vàng (được đánh số thứ tự từ A1 đến A7); 04 đầu lọc thuốc lá nhãn hiệu JET. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V ra Quyết định trưng cầu giám định.

Qua kết quả khám nghiệm hiện trường Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V xác định Lê Văn L dùng lưới cắt hai mặt, cắt lưới hàng rào B40 phía sau nhà của ông N, sau đó đi đến cửa nhà sau cắt ổ khóa đẩy lùa cánh cửa sang bên phải, cắt nhiều thanh sắt cánh cửa thứ hai chui vào trong nhà rồi đi đến tủ trưng bày bán vàng dùng vật dẹp, cứng để nạy những học tử để lấy tài sản.

Tại kết luận giám định số: 1973/C54B ngày 21/10/2014 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Phân tích gen (ADN) theo hệ Identifiler Plus từ 04 mẫu đầu lọc thuốc lá ghi thu tại hiện trường, cho kiểu gen duy nhất của một người đàn ông. Lưu kiểu gen của người trên tại phân viện Khoa học Hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tại kết luận giám định số: 745/C54B ngày 31/3/2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*Trên 03 mẫu đầu lọc thuốc lá hiệu Hero (do Lê Văn L hút) thu tại phòng hỏi cung của Trại Tạm*

Giám Công an tỉnh Kiên Giang ngày 17/02/2017 (ký hiệu M1, M2, M3) đều có ADN người. Phân tích được một kiểu gen hoàn chỉnh của một đối tượng nam giới, kiểu gen này trùng với kiểu gen nam đã phân tích và lưu tại hồ sơ Kết luận giám định số: 1973/C54B ngày 21/10/2014 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh”.

Ngày 13/9/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V phối hợp với Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp (Đơn vị nhận trích xuất Lê Văn L) đã lập chỉ bản của bị can Lê Văn L mang số 088, ngày 13/9/2017. Ngày 15/9/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp có kết luận giám định số: 598/KL-KTHS ngày 15/9/2017 “Hai dấu vết vân tay thu tại hiện trường ký hiệu A4, A6 với dấu vân tay ngón giữa trái, cái trái in trên Chỉ bản số 088 lập ngày 13/9/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp ghi họ tên Lê Văn L, sinh năm 1969, ngụ ấp M, xã H, huyện M1, tỉnh Sóc Trăng do cùng một người in ra”.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Lê Văn L không thừa nhận lấy trộm vàng và tiền của ông Trịnh Nguu N. Bị cáo cho rằng từ trước đến ngày bị Công an tỉnh Kiên Giang bắt chỉ có đi ngang địa bàn huyện V một lần vào khoảng thời gian từ cuối năm 2013 đến đầu năm 2014. Bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại tiệm vàng “Ngọc T” địa chỉ 35x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp nên không khai báo, cũng không đồng ý cung cấp mẫu gen (ADN) hay yêu cầu giám định, bị cáo cho rằng không thu được vật chứng là tài sản bị mất trộm, từ khi vụ trộm xảy ra đến khi khám nghiệm hiện trường là khoảng thời gian dài nếu có dấu vân tay để lại thì cũng không còn rõ để giám định, Cơ quan điều tra lấy dấu vân tay và mẫu đầu lọc thuốc lá giám định ADN làm chứng cứ không vu oan cho bị cáo và bị cáo có bằng chứng ngoại phạm là ngày 27/8/2014 bị cáo đang ở nhà trọ 44x, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Tại Kết luận số: 50/BB-HĐĐGTS ngày 06/9/2014 của Hội đồng định giá tài sản kết luận:

- 09 bộ vòng simen vàng 18k trọng lượng 04 lượng; Khóa tay vàng 18k trọng lượng 02 lượng; Vòng tay em bé, vòng lẻ vàng 18k trọng lượng 01 lượng; 04 đôi bông vòng to vàng 18k trọng lượng 04 chỉ; Vòng mề đai hột cẩm thạch vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ; 07 vòng hột xoàn vàng 18k trọng lượng 2,1 chỉ; Mặt dây chuyền phật vàng 18k trọng lượng 01 lượng; 10 đôi bông tai vàng 24k trọng lượng 01 lượng; 01 dây chuyền vàng 24k trọng lượng 05 chỉ; 55.000.000 đồng.

Tổng cộng: 120 chỉ vàng 18k, loại vàng 75% x 2.070.000đ/chỉ = 248.400.000 đồng; 15 chỉ vàng 24k, loại 99,99% x 3.150.000đ/chỉ = 47.250.000 đồng và tiền mặt 55.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản thiệt hại: 350.650.000 đồng.

Về vật chứng và những đồ vật liên quan đến vụ án:

- 01 khẩu trang có mặt ngoài vải sọc caro màu đỏ - xanh - trắng - nâu, mặt trong loại vải thun bông màu xanh dương, thu tại khu vực phía sau nhà ông N; 01 cái đầm học sinh màu trắng - xanh.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 18/2018/HS-ST ngày 26/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn L 08 (tám) năm tù. Tổng hợp hình phạt 18 (mười tám) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 42/2017/HS-PT, ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Lê Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2014.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, bị cáo Lê Văn L có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu giữ tại hiện trường 07 dấu vân tay và 04 mẫu đầu lộc. Qua quá trình giám định chứng minh dấu vân tay và mẫu đầu lộc thuộc lá thu giữ từ bị cáo phù hợp với dấu vân tay và mẫu đầu lộc thu giữ tại hiện trường như theo kết luận giám định số: 745/C54B ngày 31/3/2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh và kết luận giám định số: 598/KL-KTHS ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm do bị cáo L không cung cấp thêm tình tiết mới có cơ sở để chứng minh bị

cáo bị oan, ngoài các tình tiết của vụ án đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết.

Trong phần tranh luận bị cáo Lê Văn L vẫn kháng cáo kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội trộm cắp tài sản như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Văn L được làm và nộp trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn L vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan theo đơn kháng cáo ngày 30/7/2018. Bị cáo cho rằng từ trước đến ngày bị Công an tỉnh Kiên Giang bắt thì bị cáo chỉ có đi ngang địa bàn huyện V một lần vào khoảng thời gian từ cuối năm 2013 đến đầu năm 2014. Bị cáo không thực hiện hành vi trộm cắp vàng và tiền tại tiệm vàng “Ngọc T” của ông Trịnh Ngưu N tại địa chỉ: số 35x, khóm C, thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 27/8/2014 nên bị cáo không khai báo, cũng không đồng ý cung cấp mẫu gen (ADN) hay thông nhất trưng cầu giám định trong quá trình điều tra. Bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra huyện V lấy dấu vân tay và mẫu đầu lọc thuốc lá của bị cáo hút để giám định làm chứng cứ không vu oan cho bị cáo và bị cáo có bằng chứng ngoại phạm là vào chiều ngày 26/8/2014 bị cáo đến nhà trọ 44x, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thuê ở. Mặt khác dấu vân tay được Cơ quan điều tra thu thập vào lúc 09 giờ ngày 27/8/2014 theo biên bản khám nghiệm hiện trường, trong khi tội phạm xảy ra lúc 01 giờ ngày 27/8/2014 thì không thể còn tồn tại được để làm cơ sở giám định.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở. Bởi vì sau khi vụ trộm xảy ra từ khoảng 00 giờ đến 02 giờ ngày 27/8/2014, đến 09 giờ 00 phút cùng ngày 27/8/2014 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện V phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp tiến hành khám nghiệm hiện trường thu giữ 07 dấu vết đường vân trên 14 giá đựng vàng và tủ kính trưng bày vàng (được đánh số thứ tự từ A1 đến A7); 04 đầu lọc thuốc lá nhãn hiệu JET, của đối tượng gây án để lại đúng trình tự tố tụng theo quy định pháp luật. Trên cơ sở

Kết luận giám định số 598/KL-KTHS, ngày 15/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp và Kết luận giám định số 745/C54B ngày 31/3/2017 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh; lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám định, người làm chứng cùng với tài liệu, chứng cứ theo hồ sơ vụ án và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận bị cáo L đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại ông Trịnh Ngưu N gồm: 120 chỉ vàng 18k, loại vàng 75% trị giá 248.400.000 đồng; 15 chỉ vàng 24k loại vàng 99,99% trị giá 47.250.000 đồng và tiền mặt 55.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại theo định giá là 350.650.000 đồng vào ngày 27/8/2014.

Vì vậy việc bị cáo L cho rằng bị cáo có bằng chứng ngoại phạm là vào chiều ngày 26/8/2014 bị cáo đến nhà trọ 44x, xã T1, huyện H, tỉnh Đồng Tháp thuê để ở, tuy nhiên theo tra cứu sổ quản lý lưu trú của nhà trọ 44x thể hiện bị cáo đăng ký lưu trú vào ngày 27/8/2014 và theo lời khai của anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị N4 là chủ nhà trọ 44x chỉ thấy bị cáo đến thuê phòng khoảng thời gian từ 7-8 giờ sáng, cho thấy thời gian bị cáo thực hiện tội phạm và thời gian bị cáo đến thuê nhà trọ 44x là không cùng thời điểm, có khoảng cách thời gian đủ để bị cáo di chuyển từ nơi phạm tội đến nơi bị cáo thuê phòng trọ để ở; việc Cơ quan điều tra thu thập tài liệu, dấu vết, chứng cứ tại hiện trường và đối với bị cáo để thực hiện việc giám định trong quá trình điều tra đảm bảo tính khách quan, khoa học, chính xác và đúng pháp luật. Nên trình bày của bị cáo là không đủ cơ sở để chấp nhận.

Đối với việc bị cáo L cung cấp bản sao tài liệu, giấy tờ cho rằng ông bà nội của bị cáo là ông Lê Văn B và bà Trần Thị D là người có công với cách mạng do họ là Liệt sĩ và bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tuy nhiên, bị cáo không cung cấp được văn bản xác nhận về mối quan hệ nhân thân giữa bị cáo với ông B và bà D của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do đó không có cơ sở để xem xét nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ cơ sở trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn L về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015) là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác,

gây mất an ninh trật tự ở địa phương, sau khi phạm tội bị cáo lại không biết ăn năn hối cải, cố tình tránh né, không hợp tác với cơ quan điều tra nhằm che giấu hành vi phạm tội của mình gây rất nhiều khó khăn cho cơ quan tiến hành tố tụng hình sự, trong khi bản thân bị cáo có nhân thân rất xấu, nhiều lần phạm tội với tính chất và mức độ ngày càng nghiêm trọng hơn, cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, có lối sống buông thả. Xét thấy mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, đồng thời cũng đã xem xét áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo quy định tại khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự 2015. Ngoài ra đối với quyết định của bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí, Hội đồng xét xử xét thấy là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên không đặt ra xử lý. Bị cáo Lê Văn L kháng cáo kêu oan nhưng tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo Lê Văn L không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lê Văn L. Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn L, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Văn L 08 (tám) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 18 (mười tám) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án số 42/2017/HS-PT, ngày 20/02/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo Lê Văn L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 26 (hai mươi sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2014.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Lê Văn L bồi thường giá trị tài sản thiệt hại do bị mất trộm là 350.650.000 đồng cho bị hại là ông Trịnh Nguu N chủ Doanh nghiệp tư nhân tiệm vàng Tám T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng: 01 khẩu trang có mặt ngoài vải sọc caro màu đỏ - xanh - trắng - nâu, mặt trong loại vải thun bông màu xanh dương, thu tại khu vực phía sau nhà ông N; 01 cái đầm học sinh màu trắng - xanh.

(Hiện đang do Chi cục thi hành án dân sự huyện V quản lý)

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Lê Văn L phải chịu 17.532.500 đồng (mười bảy triệu, năm trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC – (Vụ GD-KT 1)
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Cơ quan CSĐT huyện V;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi